

VỀ MỐI QUAN HỆ CỘI NGUỒN CỦA CƯ DÂN NAM BỘ THỜI CỔ ĐẠI VỚI MỘT SỐ TỘC NGƯỜI Ở TÂY NGUYÊN

Ngô Văn Lê

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Nam Bộ là vùng đồng bằng nhưng lại là vùng khá đặc biệt không phải chỉ ở Việt Nam, mà xét cả trên bình diện thế giới, nơi có nhiều tộc người sinh sống, dẫn đến đa tôn giáo, đa văn hóa. Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất này gắn liền với quá trình khai hoang lập làng, mở rộng lãnh thổ xác lập chủ quyền, thực thi chủ quyền và bảo vệ chủ quyền của các cộng đồng người, mà vai trò chủ đạo là người Việt. Vùng đất Nam Bộ do tính chất và tầm quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, nên đã có nhiều công trình nghiên cứu nhằm khẳng định những giá trị văn hóa của các cộng đồng cư dân sinh sống trên mảnh đất này, góp phần làm phong phú những giá trị văn hóa Việt Nam. Mặt khác, cũng từ những nghiên cứu có tính bao trùm toàn khu vực đã càng ngày càng có những bằng chứng về lớp cư dân ban đầu cũng như văn hóa của họ. Đó là lớp cư dân về loại hình nhân chủng cũng như văn hóa gần gũi với các tộc người thuộc ngữ hệ Malayo-Polynesian. Việc mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền và bảo vệ chủ quyền của các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn có sự đóng góp tích cực và hiệu quả của các cư dân thuộc các thành phần tộc người khác nhau, mà giữ vai trò chủ đạo trong dòng chảy này là người Việt. Bài viết của chúng tôi, trên cơ sở những tư liệu và hiểu biết của mình trình bày về mối quan hệ cội nguồn của cư dân Nam Bộ thời cổ đại với một số tộc người ở Tây Nguyên giúp làm sáng tỏ hơn quá trình hình thành các cộng đồng cư dân Nam Bộ.

Từ khóa: mối quan hệ cội nguồn, cư dân Nam Bộ.

Với các thành tựu nghiên cứu hiện nay của các ngành khảo cổ học, cổ nhân học, nhân chủng học và dân tộc học cho phép chúng ta khẳng định rằng Đông Dương, trong đó có Nam Đông Dương là địa bàn cư trú lâu đời của cư dân nói ngôn ngữ Môn-Khmer- một lớp cư dân bản địa có mặt ít nhất từ thời đại đồ đá mới và họ là tổ tiên của người Khmer và các tộc người khác như Mạ, Stiêng, Choro, Bana, Mnông, Xơđăng, Hrê, Gié-Triêng hiện cư trú trên lãnh thổ Việt Nam cùng với những người đồng tộc của họ ở bên kia biên giới Lào và Campuchia. Địa bàn

cư trú của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer trải dài từ Myanmar cho đến Campuchia. Họ là một trong những cư dân sáng tạo nên nền văn hóa cổ đại ở Đông Nam Á. Những dấu tích văn hóa vật chất của họ còn lưu lại trong các di tích khảo cổ học mới được khai quật gần đây Tây Nguyên cũng như các truyền thuyết của các tộc người ở đây về nạn đại hồng thủy, về nguồn gốc của các tộc người cho thấy họ là lớp cư dân có mặt đầu tiên ở vùng này (Luong Ninh, 2006, trg, 10; Ngô Văn Lê - Phạm Đức Mạnh, 2006, trg, 6).

Cho đến nay,có nhiều học giả cho rằng ngôn ngữ Malayo-Polynesian được hình thành vào giữa thiên niên kỷ thứ II TCN và có thể còn sớm hơn nữa tại vùng Đông Nam ven biển Quảng Đông, Trung Quốc hiện nay (I.Trexp, 1976, trg, 59-61; Phan Xuân Biên, 1998, trg, 2). Thời gian đó do những chuyển biến lớn lao về mặt kinh tế, văn hóa, do sự phát triển của sản xuất và dân số (và cũng không loại trừ do xung đột với các cộng đồng cư dân cùng cộng cư), các bộ lạc ở đây đã tiến hành di cư dọc theo bờ biển từ Trung Quốc đến các nước trong khu vực Đông Nam Á hải đảo, mà bộ phận đến ven biển miền Trung và Nam Bộ Việt Nam,như là “cái đuôi” của đoàn di cư từ lục địa ra hải đảo dọc bờ biển. Họ là tổ tiên của những tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo-Polynesian như Chăm, Churu, Giarai, Êđê, Raglai hiện nay (Phan Xuân Biên, 1998, trg, 1).Một bộ phận khá đông di cư từ Nam Trung Quốc đến các nước hải đảo, như Philippines, Indonesia, Malaysia. Bằng chứng là cho đến nay, mặc dù đã trải qua hàng ngàn năm với những thăng trầm của lịch sử, giữa các cư dân này còn lưu lại nhiều nét văn hóa giống nhau giữa các cư dân(như yếu tố mẫu hệ,trong ngôn ngữ..). Ý kiến này được đông đảo các học giả tán thành. Tuy nhiên,cũng có ý khác,cho rằng những cư dân thuộc ngữ hệ Malayo-Polynesian từ biển vào định cư ,nên trong văn hóa của bộ phận cư dân này yếu tố văn hóa biển còn đậm nét.Những cư dân này không chỉ đến bờ biển phía Đông,mà còn tới cả vịnh Thái Lan,hạ lưu sông Mê Nam,thậm chí còn tới cả bờ biển Đông Phi (Lương Ninh, 2006, trg,11).Như

vậy,có thể thấy xung quanh con đường di cư của các tộc người thuộc ngữ hệ Malayo-Polynesian vẫn còn có ý kiến khác nhau.

Nhiều công trình nghiên cứu hiện nay cho rằng, chủ nhân của nền văn hóa Sa Huỳnh là những cư dân thuộc nói ngôn ngữ Malayo-Polynesian-những cư dân gắn liền với văn hóa biển (Lương Ninh, 2006, trg, 11). Cũng có thể giả thiết rằng ,cư dân văn hóa Đông Nai, Óc Eo ở vùng Nam Bộ có sự tham gia của một bộ phận khá lớn của cư dân Malayo-Polynesian.Điều mà có nhiều ý kiến của các học giả Nga và Việt Nam như Đeopic,Trexp, Lương Ninh từng đề xuất. Trong giới nghiên cứu có một quan điểm khá phổ biến là, khởi nguồn của cư dân nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer là cư dân vùng núi, sau đó mới dần xuống đồng bằng (Đặng Nghiêm Vạn, 2009, trg, 233). Bằng chứng là cho đến ngày nay,ngoại trừ một số tộc người (như người Khmer) cư trú ở đồng bằng, còn phần lớn cư dân thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer cư trú chủ yếu ở miền núi.Còn đối với các tộc người thuộc ngôn ngữ Malayo-Polynesian,là cư dân sinh sống vùng ven biển,sau mới di cư lên miền núi (trường hợp các tộc người thuộc ngữ hệ Malayo-Polynesian ở trung Tây Nguyên như Êđê, Giarai, Raglai).Những thành tựu nghiên cứu của khảo cổ học ,cổ nhân học,nhân chủng học và dân tộc học ngày càng có nhiều tư liệu chứng minh khá thuyết phục cho quan điểm này (Đặng Nghiêm Vạn, 2009, trg, 307-320).

Có thể giả thuyết rằng,vào thời tiền sử và sơ sử cách đây khoảng 3-4000 năm,chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh có không gian phân bố khá

rộng từ Bình- Trị- Thiên đến lưu vực sông Đồng Nai, từ vùng ven biển lên núi, là một nền văn hóa có mối liên hệ gốc gác với văn hóa hậu kỳ đồ đá mới, sơ kỳ đồ đồng thau như văn hóa Bàu Tró (Quảng Bình), Hoa Lộc (Thanh Hóa) phân bố kề cận với văn hóa Sa Huỳnh, mà nét độc đáo là kỹ thuật chế tạo đồ sắt với các công cụ sản xuất và vũ khí đa dạng. Cư dân Sa Huỳnh là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước trong môi trường sinh sống ở đồng bằng ven biển và cạnh rừng. Vì vậy, trong văn hóa Sa Huỳnh mang đậm cả yếu tố rừng và biển. Trong hoạt động kinh tế cư dân Sa Huỳnh đã đạt tới trình độ cao của các nghề thủ công như xe sợi, dệt vải, chế tạo đồ gốm, làm đồ trang sức và khuyên tai hai đầu thú là chế phẩm độc đáo của văn hóa Sa Huỳnh. Qua so sánh văn hóa Sa Huỳnh với văn hoá Chăm, văn hóa các tộc người Malayo-Polynesian ở miền núi trung Tây Nguyên, các nhà khoa học đã đoán định rằng, chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh là tổ tiên của người Chăm và các tộc người nói ngôn ngữ Malayo-Polynesian ở miền núi. Ở người Êđê còn có nhiều truyền thuyết về huyền thoại kể về mối quan hệ giữa con người và biển cả. Ngay cả trong sản phẩm văn hóa vật chất như nhà dài mô phỏng hình con thuyền cho thấy dấu ấn của văn hóa biển của cư dân miền núi thuộc ngữ hệ Malayo-Polynesian. Như vậy, tại miền núi Trung Bộ và trung Tây Nguyên đã có sự giao lưu và tiếp xúc văn hóa giữa các tộc người thuộc ngôn ngữ Môn-Khmer với cư dân Malayo-Polynesian hình thành đặc điểm văn hóa vùng miền núi Trung Bộ và Tây Nguyên, mà nay nay chúng ta vẫn còn quan sát

thấy. Bởi vì “đến khoảng thế kỷ V TCN, dường như có một làn sóng thiên di ồ ạt từ biển vào, một bộ phận thứ nhất đến Quảng Ngãi ngày nay, không phải họ mang đến mà cùng với người Môn cổ tại chỗ phát triển một trình độ văn hóa cao hơn thời sơ kỳ đồ sắt trong suốt 5 thế kỷ cuối TCN được gọi là văn hóa Sa Huỳnh” (Lương Ninh, 2006, tr. 11).

Cũng vào khoảng 4-5000 năm cách ngày nay, ở vùng miền Đông Nam Bộ, bao gồm vùng đất bazan của vùng Đồng Nai thượng, Bình Phước, Bình Dương và cả vùng phù sa hạ lưu sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ Đông, cả vùng ngập nước sinh lầy vùng ven biển, cư dân ở đây đã sáng tạo nên một nền văn hóa độc đáo gọi là văn hóa Đồng Nai. Văn hóa Đồng Nai là nơi có cảnh quan sinh thái ven biển, đồng bằng và miền núi – nơi các tộc người nói ngôn ngữ Môn-Khmer hiện nay cư trú như Stiêng, Mạ, Coho, Choro. Như vậy, địa bàn cư trú của chủ nhân văn hóa Đồng Nai trong thời kỳ tiền sử và sơ sử sống kề cận hay xen cài với cư dân Môn-Khmer. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Đồng Nai là nông nghiệp và nghề thủ công. Trong trồng trọt, lúa là loại cây lương thực chủ yếu. Ngoài trồng trọt, người Đồng Nai còn săn bắt và khai thác sản phẩm rừng. Hoạt động săn bắt của người Đồng Nai khá đa dạng trong từng vùng sinh thái khác nhau. Đồ đồng khá phong phú, nhiều loại hình, phong cách mộc mạc, hoa văn đơn giản. Những công cụ, vũ khí, đồ trang sức bằng sắt cho thấy đã có sự phát triển của kỹ thuật chế tác sắt. Trong nghệ thuật tạo hình, chủ đề chính là các động vật và mang đậm sắc thái củ cư dân Đồng Nai là các

bộ đàn đá được phân bố trên một địa bàn khá rộng.

Có thể nói, cư dân Đồng Nai là người mở đất dựng nghiệp, sáng tạo nên một nền văn hóa cổ nhìn nhận như là bước mở đầu cho truyền thống văn hóa tại chỗ ở Nam Bộ. Nó có bản sắc và sức sống mãnh liệt, và nó tiếp tục phát huy truyền thống sau đó trong thời kỳ văn hóa Óc Eo.

Văn hóa Óc Eo thời kỳ thiên niên kỷ thứ nhất là sự tiếp nối của văn hóa Đồng Nai. Về văn hóa và cư dân Óc Eo cho tới nay đã được nhiều học giả nghiên cứu và còn nhiều tranh luận xung quanh vấn đề: ai là chủ nhân của văn hóa Óc Eo và mối liên hệ giữa văn hóa Óc Eo với cư dân của vương quốc Phù Nam?

Văn hóa Óc Eo phân bố rộng ở vùng tứ giác Long Xuyên, vùng Đồng Tháp Mười, vùng U Minh-Năm Căn, vùng rừng Sác Duyên Hải và vùng Đông Nam Bộ. Như vậy, cư dân Óc Eo đã mở rộng địa bàn cư trú trên một diện tích rộng vùng châu thổ sông Cửu Long và cả một phần Đông Nam Campuchia. Trên địa bàn này, từ đầu công nguyên đã phát triển một nền văn hóa với nhiều thành phần và bản sắc riêng. Cư dân Óc Eo trước hết vẫn là cư dân nông nghiệp với nghề trồng lúa nước phát triển. Cùng với lúa còn có cả mía, cau, dừa. Đồ sắt được dùng phổ biến ở đây. Kỹ thuật chế tác đồ vàng bạc đá quý đạt tới trình độ tinh xảo. Đồ gốm chiếm một vị trí quan trọng trong các đồ dùng hàng ngày. Họ ở trên các nhà sàn và nhà trên nền đất đắp. Truyền ghe là những phương tiện đi lại phổ biến. Văn hóa Óc Eo tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa Ấn Độ như đạo Bà La Môn, đạo Phật

du nhập vào những thế kỷ đầu công nguyên và đã nhanh chóng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống cư dân.

Theo nhiều minh văn cổ tìm thấy ở đồng bằng sông Cửu Long, thế kỷ thứ VIII là thời kỳ tranh giành quyền lực giữa các tộc người thuộc Phù Nam và Chân Lạp cổ. Ban đầu Chân Lạp thôn tính Phù Nam, nhưng rồi quý tộc Phù Nam xác lập được quyền lực chính trị trên địa bàn Thủy Chân Lạp, tương ứng với vùng châu thổ hạ lưu sông Cửu Long. Trong bối cảnh đó văn hóa Phù Nam vẫn tiếp tục tồn tại trong thời kỳ Chân Lạp cổ (thế kỷ V đến thế kỷ VIII). Từ nửa thế kỷ VIII vùng hạ lưu sông Cửu Long rơi vào cảnh bi thảm, bị thủy quân Giava đánh phá, lại bị ngập lụt và nước phù sa bồi lấp, cả vùng đất Nam Bộ trở nên hoang phế. Những cư dân của văn hóa Óc Eo đã rời các vùng đất ngập nước lùi dần về vùng đất cao ở Tây Nam Bộ và tại đây họ bị quân đội Chân Lạp tiêu diệt và những người Khmer từ phía Bắc kéo xuống lập ra vùng đất Thủy Chân Lạp.

Như vậy từ đầu công nguyên văn hóa Óc Eo ở vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long đã phát triển một cách rực rỡ làm tiền đề ra đời các tiểu vương quốc vùng đồng bằng sông Cửu Long mà các sử sách Trung Quốc đã ghi, trong đó có vương quốc Phù Nam như là một đối tượng được các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều nhất.

Vấn đề đặt ra là, chủ nhân của văn hóa Óc Eo là ai? Cư dân vương quốc Phù Nam có mối liên hệ như thế nào với văn hóa Óc Eo?

Về vấn đề này tài liệu cổ nhân học và nhân chủng học cho rằng cả cư dân Đồng Nai và cư

dân Óc Eo thuộc loại hình Indonesien là phổ biến với những yếu tố đậm nhạt khác nhau của cả hai đại chủng Australoid và Mongoloid. Tuy nhiên, việc xác định chủ nhân văn hóa về mặt tộc người lại còn nhiều ý kiến khác nhau. Một số học giả nước ngoài như G.E. Hall, Deopic, Trexnov, Lương Ninh cho rằng, cư dân Phù Nam thuộc về những người Malayo-Polynesians, trong khi đó có một số học giả Pháp dựa vào các tài liệu cổ của Trung Quốc, cho rằng cư dân Phù Nam có nguồn gốc Khmer, mà biểu tượng là văn hóa Óc Eo. Trong khi đó một số ý kiến khác cho rằng, cộng đồng cư dân Óc Eo bao gồm nhiều tộc người nói bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (Lê Xuân Diệm và ctg., 1991, tr.3).

Tiếp cận trên bình diện lịch sử tộc người, chúng tôi cho rằng, văn hóa Óc Eo trải rộng trên một không gian văn hóa không chỉ bao gồm phần Nam Bộ ngày nay, mà còn mở rộng trên cả vùng đất Đông Nam Campuchia hiện nay. Trước và sau công nguyên cả vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ và Nam Bộ, do sự phát triển kinh tế xã hội của các cư dân nông nghiệp lúa nước lại sớm tiếp thu văn minh Ấn Độ trong một cảnh quan sinh thái ở đồng bằng ven biển có nhiều thuận lợi, các bộ lạc đã lớn mạnh để hình thành các liên minh bộ lạc hoặc những vương quốc nhỏ mà chúng ta đã biết đến như vương quốc Nam Chăm và Bắc Chăm. Ở Nam Bộ trên nền tảng phát triển của văn hóa Óc Eo nhiều tiểu vương quốc được thành lập mà sử sách Trung Quốc đã ghi chép, mà Phù Nam là một trong những vương quốc đó. Cũng phải lưu ý rằng, đây là thời kỳ là minh chứng

điển hình. các tộc người Môn-Khmer miền núi đã di chuyển xuống đồng bằng và ven biển, đã tạo dựng được những nền văn minh mới sống kề cạnh và xen cài với những tộc người đồng bằng và ven biển vốn lâu nay là địa bàn của cư dân nói ngôn ngữ Malayo-Polynesian. Sự tiếp xúc tộc người và văn hóa tạo nên sự cộng sinh về văn hóa và tộc người làm cho bức tranh văn hóa tộc người ở đây phức tạp và đa dạng hơn vùng Trung Bộ, nơi cư dân Môn-Khmer chưa tiến xuống đồng bằng, mà vẫn là cư dân núi với hình thức canh tác “đào canh hỏa chủng”. Trong môi trường cảnh quan tộc người ở vùng núi không tập trung, nên không cho phép những tộc người này thành lập liên minh bộ lạc hay tiểu quốc. Mãi tới sau này, trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định mới hình thành được những vương quốc của Vua Nước, Vua Lửa cũng như vương quốc của người Mạ ở Nam Tây Nguyên. Nhưng các “vương quốc” này không đủ mạnh để mở mang lãnh thổ, tiến xa các địa bàn cư trú.

Như vậy, nhìn rộng ra trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ vùng núi Tây Nguyên sang Lào và một phần miền núi Campuchia và cả vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ, miền Đông Nam Campuchia giao lưu tiếp xúc tộc người và văn hóa tộc người được thúc đẩy giữa các cộng đồng cư dân văn hóa biển-đồng bằng, mà đại biểu của nó là cư dân nói ngôn ngữ Malayo-Polynesian và cư dân văn hóa núi vốn đặc trưng cho các tộc người Môn-Khmer, mà vùng Nam Bộ và Đông Nam Campuchia là minh chứng điển hình.

Cần nhấn mạnh rằng, vào thời kỳ này cả vùng Nam Bộ và Đông Nam của Campuchia hiện nay bao gồm cả vùng núi là vùng đa tộc người, trong đó chỉ có những tộc người có điều kiện thuận lợi sinh sống ở đồng bằng mới có điều kiện tạo dựng cho mình những tiểu quốc, mà trong đó biên giới giữa các tộc người và biên giới giữa các tiểu quốc còn rất mờ nhạt. Trong tình hình đó khó có thể nói rằng vương quốc Phù Nam, mà chủ thể tộc người của nó là cư dân Môn-Khmer thuộc về vương quốc Khmer sau này là không có cơ sở thực tế lịch sử và không có sự thuyết phục về mặt khoa học. Mặt khác, biên giới tộc người luôn có sự thay đổi, nó tùy thuộc vào sức mạnh của nhà nước trung ương. Vào thời điểm này của lịch sử sức mạnh của nhà nước trung ương chưa đủ mạnh để chi phối đến sự phát triển của các tộc người, các vùng xa trung tâm. Thực tế lịch sử cho thấy, nhiều tộc người mà địa bàn hình thành ở giai đoạn đầu khác với lãnh thổ mà tộc người đó cư trú hiện nay. Thực tế lịch sử cho thấy do nhiều nguyên nhân khác nhau, mà nhất là do

xung đột tộc người –điều này lại luôn xảy ra - diễn ra triền miên đã làm thay đổi địa bàn cư trú, thậm chí nhiều khi phá vỡ, chia tách một tộc người thành nhiều bộ phận khác nhau. Quá trình di dân diễn ra liên tục, dẫn đến sự đan xen giữa các thành phần tộc người trên một vùng lãnh thổ, làm cho văn hóa đa sắc màu. Khi nhà nước ra đời, mà nhà nước lại không quan tâm đến nguồn gốc thân dân, chỉ quan tâm đến lãnh thổ. Vì vậy, lãnh thổ nhà nước thường bao trùm lên lãnh thổ của nhiều tộc người, dẫn đến tình hình đa tộc người trong một quốc gia như hiện nay. Mặt khác, cũng do sự ra đời nhà nước, mà nhiều khi biên giới quốc gia lại chia tách các tộc người thành những bộ phận, sinh sống ở các quốc gia khác nhau.

Đi tìm một câu trả lời ai là chủ nhân của một nền văn hóa, khi mà những nguồn tư liệu đáng tin cậy lại chưa nhiều, là một việc làm khó khăn. Vì vậy, vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu mới có hy vọng có một cái nhìn đúng, khách quan, khoa học về vùng đất và con người nơi đây.

**ABOUT THE LINK OF ORIGINS BETWEEN THE INHABITANTS IN THE SOUTH
IN ANCIENT TIMES AND SOME ETHNIC GROUPS
IN THE CENTRAL HIGHLANDS**

Ngo Van Le

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

***ABSTRACT:** The South of Vietnam is an area of plains; however, it has special features not only in Vietnam, but also world-wide as it is the place where a lot of ethnic groups live, leading to multi-religion and multi-culture. The history of formation and development of the land is closely associated*

with the process of reclaiming virgin soil, building up villages, expanding the territory to establish, to enforce and to defend sovereignty of communities whose dominating role lies in the Viet's hands. Due to the South's special characteristics and big significance to the country development, there have been a lot of researches to affirm the cultural values of the communities living in the land, contributing to the enrichment of the Vietnamese culture. On the other hand, there are also researches on a bigger scale which cover the whole region revealing a lot of evidences from the first inhabitants as well as their cultures. These inhabitants, as far as anthropological type and culture are concerned, are close to the ethnic groups of the Malayo-Polynesian language family.

The expansion of territory, establishment as well as enforcement and protection of sovereignty of the Nguyen Loads and Nguyen Dynasty received positive and effective contribution from inhabitants of different ethnic groups out of whom the Viet played the dominating role. The paper, based on the materials and my knowledge, presents the link of origins between the inhabitants in the South in ancient times and some ethnic groups in the Central highlands in order to clarify the formation process of the Southern communities.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Xuân Biên và Cộng tác viên, *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội (1998).
- [2]. Lê Xuân Diệm và Cộng tác viên, *Khảo cổ Đồng Nai*, Nxb, Đồng Nai (1991).
- [3]. Ngô Văn Lê và Phạm Đức Mạnh, *Họa phẩm tộc người trước thế kỷ 17 trên mảnh đất Nam Bộ (Việt Nam)*, *Tạp chí Phát triển KH & CN, ĐHQG-HCM*, số 03 (2006).
- [4]. Lương Ninh, *Nước Phù Nam*, Nxb, ĐHQG-HCM (2006).
- [5]. Trexnop, *Dân tộc học lịch sử các nước Đông Dương* (Bản tiếng Nga), Nxb Khoa học (1976).
- [6]. Đặng Nghiêm Vạn, *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam đa tộc người*, Nxb ĐHQG Tp HCM (2009).